

Văn phòng ISG : 209/210 A9 - 2 Ngọc Hà, Hà Nội – Điện thoại: (84-4) 733 6610 – Fax: (84-4) 733 6624
Email: isgmard@fpt.vn – Website: <http://www.isgmard.org.vn>

Số 25 – Tháng 8/2005

Trong số này:

[Tăng cường hợp tác với Mỹ và Canada trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn](#)
[Thành lập Quỹ Tín thác Phòng chống và khắc phục hậu quả cúm gia cầm khu vực ASEAN+3](#)
[Người nghèo sẽ có nước sạch](#)
[Bảo tồn bền vững các giá trị đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Chu Yang Sin](#)
[Hoà nhập giới trong dự án "Hỗ trợ chương trình CCHC tại Bộ Nông nghiệp và PTNT"](#)
[Hoạt động của Chính quyền địa phương là then chốt trong cung cấp dịch vụ tại khu vực Đông Á](#)
[Nghiên cứu mới giúp ta hiểu rõ hơn về cách làm tăng tác động của tăng trưởng kinh tế đối với việc giảm nghèo](#)
[WB tăng cường rót vốn cho VN](#)
[Các nước vùng Mêkông lập xa lộ thông tin](#)
[Tiến độ giải ngân vốn ODA đã nhanh hơn](#)
[Ngân hàng Thế giới thông qua khoản tín dụng 100 triệu USD cho Việt Nam hỗ trợ cải cách kinh tế và giảm nghèo](#)
[Dự báo thị trường nông, lâm sản](#)
[Đà Nẵng khai trương Trung tâm Thông tin Ngân hàng Thế giới](#)
[Danh mục các dự án hỗ trợ nông nghiệp và PTNT đã được ký trong 6 tháng đầu năm 2005](#)

Tăng cường hợp tác với Mỹ và Canada trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Từ ngày 19/06 - 30 /06/2005 - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Cao Đức Phát và Vụ Trưởng Vụ Hợp tác Quốc tế Lê Văn Minh đã tháp tùng Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải trong chuyến công tác tại Mỹ và Canada. Trong chuyến công tác, Bộ Nông nghiệp và PTNT Việt Nam đã có những buổi làm việc với các cơ quan đối tác. Kết quả có thể được tóm tắt như sau:

Tại Mỹ: Từ ngày 19 đến 25/06/2005

Đoàn đã thảo luận với Bộ nông nghiệp Mỹ (USDA) về các vấn đề sau:

1. Tình hình nông nghiệp và PTNT Việt Nam, các vấn đề có liên quan đến gia nhập WTO, thương mại nông sản và các vấn đề có liên quan đến thiên tai. Các nhu cầu hợp tác với USDA.

2. Cúm gà và các vấn đề cần hợp tác với Mỹ
3. Hợp tác về khoa học công nghệ và đào tạo cán bộ cho Bộ Nông nghiệp và PTNT Việt Nam.
4. Công nghệ sinh học và hội nghị công nghệ sinh học tháng 10/2005 và hội nghị công nghệ sinh học APEC 2006
5. Phương thức sử dụng quỹ Normam E. Borlaug và dự thảo trợ giúp kỹ thuật giữa USDA - MARD.

Sau các cuộc thảo luận, ngày 21/06/2006 tại Washington D.C Bộ trưởng Cao Đức Phát và Bộ trưởng Nông nghiệp Mỹ Mike Johanns đã ký Biên bản Ghi nhớ (MOU) về hợp tác khoa học kỹ thuật giữa hai Bộ.

Qua trao đổi, Bộ Nông nghiệp Mỹ tỏ ra rất chủ động muốn hợp tác mạnh với Bộ Nông nghiệp và PTNT Việt Nam. Bộ Nông nghiệp Mỹ quan tâm đến các vấn đề thiên tai, cúm gà, công nghệ sinh học cao và đào tạo cán bộ. Trước mắt Bộ Nông nghiệp Mỹ đề nghị tích cực chuẩn bị mọi mặt để thực hiện MOU vừa ký.

Tại Canada: Từ ngày 26/06 đến 30/06/2005

1. Qua thảo luận chi tiết, hai Bộ trưởng nông nghiệp đã ký biên bản ghi nhớ về dự án xây dựng và kiểm soát chất lượng nông sản thực phẩm.

Dự án gồm 3 hợp phần chính:

- Xây dựng chất lượng: Cải tiến kỹ thuật sản xuất trong trồng trọt và chăn nuôi, cải tiến quy trình chế biến nông sản (bảo quản, đóng gói và vận chuyển);
- Kiểm tra chất lượng và an toàn thực phẩm: điều tra và lập báo cáo về an toàn thực phẩm, thử nghiệm trong các phòng thí nghiệm, nâng cấp một số phòng thí nghiệm theo yêu cầu; đào tạo cán bộ về phân tích các nguy cơ và lập các điểm kiểm tra xung yếu; các phương thức trồng trọt; chăn nuôi và chế biến tiên tiến; thành lập mạng lưới và các quy chế về kiểm tra an toàn thực phẩm;
- Xây dựng phương thức tiếp cận thị trường cho một số nông sản chủ yếu.

Dự án này sẽ được thực hiện trong 5 năm, CIDA tài trợ không hoàn lại 17 triệu đô la Canada.

2. Vấn đề bò điên: Trên cơ sở đề nghị của Cục Thú y, sau khi cân nhắc tình hình cụ thể, nhất là báo cáo của tổ chức dịch tễ thế giới tại Đại hội đồng lần thứ 73 tổ chức ở Paris ngày 22 - 27/05/2005, Bộ trưởng Bộ NN & PTNT đã đồng ý phương án sau:

- Nhập thịt bò Canada không lẫn xương
- Thịt phải là của bò dưới 30 tháng tuổi và từ các nhà máy giết mổ được kiểm tra kỹ lệnh bò điên.

Các kiến nghị này đã được hai thủ tướng chấp nhận.

Nguồn: Vụ HTQT-Bộ NN&PTNT

Thành lập Quỹ Tín thác Phòng chống và khắc phục hậu quả cúm gia cầm khu vực ASEAN+3

Ngày 2-3/6/2005 - Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ giữa kỳ (Mid-term CG) đã được tổ chức tại Cần Thơ. Hội nghị do Phó Thủ tướng Vũ Khoan, Bộ trưởng Bộ KHĐT Võ Hồng Phúc và Giám đốc WB tại Việt Nam Klaus Roland chủ trì.

Tại Hội nghị, ngoài việc thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2005, Chính phủ và cộng đồng quốc tế rất quan tâm tới một số vấn đề. Một trong những việc vấn đề này là Phòng chống và khắc phục hậu quả cúm gia cầm. Các nhà tài trợ đề xuất nên có một chương trình/kế hoạch liên bộ (trong đó Bộ NN&PTNT và Bộ Y tế là chủ lực), đồng thời chuẩn bị một chương trình khu vực (ASEAN + 3) để đảm bảo hiệu quả toàn diện và triệt để. Các nhà tài trợ cũng đề xuất thành lập một Quỹ Tín thác cho chương trình khu vực, trước mắt đã có EC cam kết 50 triệu USD, Hà Lan 1 triệu EURO và Mỹ cam kết 25 triệu USD cho chương trình này. Việt Nam sẽ thụ hưởng phần lớn các hoạt động của khoản hỗ trợ này.

Nguồn: VP ISG

Người nghèo sẽ có nước sạch

Long An – Dự án Cấp nước và Vệ sinh Nông thôn Cửu Long do Chính phủ Australia tài trợ vừa khởi công xây dựng ba công trình cấp nước sạch tại các ấp ở xã Bình Hoà Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Bình Hoà Bắc là xã đầu tiên khởi công xây dựng công trình cấp nước trong số 40 xã mục tiêu của toàn Dự án trong năm tỉnh: Kiên Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Vĩnh Long và Long An.

Các công trình cấp nước này sẽ cấp nước cho 750 hộ gia đình nghèo tại ba ấp nơi hiện nay không có nước sinh hoạt và sẽ được hoàn tất vào tháng 3 năm 2006.

Dự án đặc biệt quan tâm tới những hộ nghèo và đề xuất các cách thức để họ có thể được mắc ống nước gần nhà nối liền với trạm cấp nước. 520 hộ nghèo khác cũng là ưu tiên hàng đầu được hỗ trợ bể, hoặc chum chứa nước mưa.

Những hộ được mắc đường ống sẽ phải trả phí kết nối là 500.000 đồng (bao gồm chi phí lắp đặt đồng hồ nước và kết nối với đường ống chính). Để trữ nước (chủ yếu là nước mưa), các hộ nghèo chỉ phải trả 10% chi phí, và các hộ khác trả 20% chi phí.

Cộng đồng địa phương, Ủy ban Nhân dân xã (UBND) và Dự án đã cùng nhau thảo luận về các công trình cấp nước và rút ra các phương án khả thi đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt. Sau đó, cộng đồng bỏ phiếu chọn phương án mà họ cho là thích hợp nhất. Việc quản lý các công trình này sẽ do sự phối hợp của cộng đồng và xã cùng với sự hướng dẫn kỹ thuật và tập huấn của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh của tỉnh.

Đối với các hộ không thể tiếp cận được hệ thống đường ống, bể trữ nước và bơm tay được chính họ lựa chọn.

Để có thêm thông tin, xin liên hệ: Nguyễn Diệp Hoa, Cán bộ Quan hệ Công cộng, AusAID, Sứ quán Australia tại Hà Nội.

Tel: 84-4-8317755, máy lẻ: 196

Email: Diep-Hoa.Nguyen@dfat.gov.au

Nguồn: AusAID

Bảo tồn bền vững các giá trị đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Chu Yang Sin

Hà Nội, 4/7/2005 - Ngân hàng Thế giới và Tổ chức BirdLife Việt Nam vừa ký một hiệp định viện trợ không hoàn lại trị giá 973.000 USD qua Quỹ môi trường toàn cầu để hỗ trợ dự án Quản lý tổng hợp khu vực rừng đầu nguồn và bảo tồn đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Chu Yang Sin, tỉnh Đắk Lắk. Dự án nhằm bảo tồn đa dạng sinh học và các giá trị rừng đầu nguồn khác tại Vườn quốc gia Chu Yang Sin.

Dự án sẽ tập trung xây dựng một cơ chế quản lý có hiệu quả cho Vườn quốc gia Chu Yang Sin tại 2 huyện Krông Bông và Krông Lăk, tỉnh Đắk Lắk, cách thành phố Buôn Mê Thuột 60 km về hướng đông nam. Hai huyện này bao gồm những vùng đất thấp của tỉnh Đắk Lắk và vùng cao nguyên miền trung. Đỉnh Chu Yang Sin (2.442 m) là đỉnh cao nhất trên vùng biên giới tây bắc của cao nguyên. Vườn quốc gia có diện tích 59.278 ha rừng đồi núi với độ cao so với mực nước biển từ 600-2.442 m. Không giống như những khu vực rừng khác tại Việt Nam, môi trường sống tại vườn quốc gia này còn rất nguyên sơ. Hoạt động của 6 sáng kiến của các nhà tài trợ tại các huyện quanh khu vườn sẽ bổ sung cho những hoạt động của dự án.

Dự án sẽ giúp đạt được 6 kết quả sau:

1. Xây dựng cơ chế thực thi và bảo vệ rừng hiệu quả nhằm ngăn chặn việc xâm lấn và khai thác bất hợp pháp các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong khu vườn;
2. Thành lập Tổ chức sinh học, phong cảnh và văn hoá xã hội để hướng dẫn và khuyến khích quản lý tổng hợp khu vườn và tăng cường hoà nhập các mục tiêu bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý rừng đầu nguồn;

3. Tạo ra sự hỗ trợ của các bên liên quan và của người dân đối với các mục tiêu bảo tồn và quản lý khu vườn;
4. Tăng cường khả năng quản lý thích ứng trong nhóm quản lý;
5. Hội nhập với các chiến lược phát triển quản lý rừng đầu nguồn, kinh tế xã hội và bảo tồn lớn hơn; và
6. Giám sát tác động của các hoạt động dự án.

Nguồn: WB

Hoà nhập giới trong dự án "Hỗ trợ chương trình CCHC tại Bộ Nông nghiệp và PTNT"

Bài học kinh nghiệm

Trong quá trình thực hiện tăng cường công bằng giới tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT), dự án "Hỗ trợ chương trình Cải cách hành chính (CCHC) tại Bộ NN&PTNT" giai đoạn 2 - VIE02/016 đã rút ra được 3 bài học chính:

1. *Cương vị lãnh đạo:* Đây là một cuộc chiến khó khăn vì thiếu phụ nữ trong vị trí lãnh đạo, quản lý. Điều này dẫn tới các hoạt động công bằng giới chưa được quan tâm đầy đủ.
2. *Sự cố thủ mang tính hệ thống:* Nỗ lực nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động của dự án bị cản trở. Lý do là vì phụ nữ không đứng ở vị trí phù hợp cho việc lựa chọn.
3. *Hành động đi đôi với lời nói:* Chỉ có nhận thức về công bằng giới thôi chưa đủ. Nhận thức phải đi theo với hành động. Các chương trình về nhận thức giới mới chỉ được đề cập đến như là phần nổi của tảng băng trôi.

Cần có một sự thay đổi có hệ thống.

Các hoạt động trong thời gian tới

Trong thời gian tới, dự án sẽ chú trọng đến hoà nhập giới với các mảng như sau:

1. Ở cấp trung ương, dự án sẽ phối hợp với Vụ tổ chức cán bộ của Bộ NN&PTNT nhằm phát triển phương thức quản lý nguồn lực có nhạy cảm giới. Quy trình tuyển dụng, lựa chọn, đào tạo và đề bạt nhằm khuyến khích sự tham gia của phụ nữ được soạn thảo có tính đến

nhạy cảm giới. Đồng thời dự án sẽ tổ chức các hội thảo giới thiệu các khái niệm này cho các cán bộ Vụ Tổ chức cán bộ. Với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), các bản mô tả công việc sẽ được xem xét và hiệu quả của các bản mô tả này sẽ được đánh giá nhằm để tiến hành các hoạt động hoà nhập giới cần thiết.

2. Dự án sẽ tổ chức khảo sát để đánh giá tác động của các chính sách và luật quản lý ngành về đối tượng hưởng lợi để tạo nền cho việc đổi mới quá trình soạn thảo và phương pháp cũng như việc ban hành tài liệu pháp lý quản lý ngành. Khảo sát này sẽ tính đến ảnh hưởng của phụ nữ trong việc thực hiện các chính sách pháp lý trong ngành nông nghiệp.
3. Dự án sẽ hoàn thiện việc thiết lập hệ thống thông tin quản lý nhân sự (PMIS), bao gồm các tiêu chí về giới, các số liệu phân tích giới nhằm cập nhật thông tin hàng năm.
4. Dự án sẽ phối hợp với dự án Giới của ADB để đẩy mạnh hoạt động của tổ công tác giới.
5. Dự án sẽ hoàn thành đánh giá nhu cầu đào tạo của công chức trong đó 30% người trả lời là nữ, tương đương với 900 nữ. Kết quả của khảo sát này sẽ là cơ sở cho việc xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực 2010 (bao gồm kế hoạch tập huấn CCHC).
6. Đối với các hoạt động phát triển nguồn nhân lực, dự án sẽ tiếp tục nỗ lực khuyến khích 30% phụ nữ tham gia.
7. Ngoài ra, dự án cũng hỗ trợ khoá đào tạo giới cho các lãnh đạo của Trung tâm khuyến nông quốc gia, Vụ tổ chức cán bộ, Ban VSTBPN, Cục bảo vệ thực vật và các trường cán bộ quản lý.
8. Ở cấp tỉnh, các mô hình phát triển nông thôn cần phải có 50% sự tham gia của phụ nữ.
9. Dự án sẽ thực hiện các khảo sát nhằm nghiên cứu các vấn đề và nhu cầu của các nhà cung cấp dịch vụ công trọng điểm và khuyến nghị các can thiệp nhằm tăng cường chất lượng cung cấp dịch vụ công cho nông dân, đặc biệt là nông dân nghèo và nữ nông dân. Dự án sẽ có thể nhận được hỗ trợ từ dự án giới của ADB trong việc chuẩn bị các câu hỏi phân tách giới.

Nguồn: Dự án Vie/02/016

Hoạt động của Chính quyền địa phương là then chốt trong cung cấp dịch vụ tại khu vực Đông Á

Hà Nội, 20/6/2005 - Theo một báo cáo mới của Ngân hàng Thế giới với nhan đề "Phân quyền ở Đông Á - giải pháp giúp chính quyền địa phương hoạt động hiệu quả" thì tương lai của các quốc gia Đông Á hơn bao giờ hết phụ thuộc vào năng lực và hoạt động của chính quyền cấp tỉnh và địa phương.

Bản báo cáo tiếng Việt đã được phát và thảo luận tại một cuộc hội thảo cấp cao do Học viện Tài chính chủ trì về kinh nghiệm phân quyền của thế giới và khu vực đặc biệt chú trọng tới thảo luận về trường hợp của Việt Nam.

Trong suốt 2 thập kỷ qua, chính phủ các quốc gia trong khu vực đã đảm nhận trách nhiệm tăng ngân sách chi tiêu công và đầu tư vào cung cấp những dịch vụ quan trọng và cơ sở hạ tầng. Phân cấp đã phát huy được những sáng kiến cũng như nguồn lực của địa phương với những phương thức cung cấp dịch vụ cho người dân mới. Bản báo cáo cho biết với tiềm năng lớn nhằm tiếp tục công cuộc cải tiến và đổi mới, việc phân quyền cần phải được thực hiện một cách đúng đắn.

Bản báo cáo tập trung vào 6 quốc gia của WB này đánh giá sự khác nhau về phương pháp phân quyền của chính phủ Cam-pu-chia, Trung Quốc, In-đô-nê-xia, Phi-lip-pin, Thái Lan và Việt Nam. Các hệ thống được lựa chọn khá khác nhau nhưng cũng có một số đặc điểm chung được sử dụng trong báo cáo để so sánh. Trong một số trường hợp giống như In-đô-nê-xia, quá trình phân quyền diễn ra nhanh chóng và có thể coi là một "Bước tiến lớn". Trong một số trường hợp khác như Việt Nam và Cam-pu-chia, quá trình phân quyền diễn ra chậm hơn.

Mặc dù đã đạt những tiến bộ đáng khích lệ, song vẫn còn những tồn tại cơ bản. Trong khu vực, các chính quyền địa phương đều thiếu nguồn lực và quyền hạn để hoàn thành nhiệm vụ mới và họ hầu như chẳng có biện pháp khuyến khích nào nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Bản báo cáo gợi ý rằng trong khi các quốc gia phân quyền cần những chính sách và chiến lược phù hợp với môi trường cụ thể của từng nước, các nhà hoạch định chính sách có thể

tập trung có hiệu quả vào 3 thách thức chính sau:

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của hệ thống liên chính phủ: các chính quyền địa phương hiện nay có khá nhiều trách nhiệm nhưng những yếu kém cơ bản trong hệ thống nối kết chính quyền trung ương với chính quyền địa phương đã cản trở khả năng hoàn thành những trách nhiệm này. Ví dụ, tại Phi-lip-pin và In-đô-nê-xia, việc chồng chéo và mâu thuẫn về vai trò của các cấp chính quyền khác nhau đã làm giảm bớt tinh thần trách nhiệm với kết quả thực hiện. Giải quyết được những vấn đề này, các nhà hoạch định chính sách có thể đảm bảo rằng vai trò và trách nhiệm được cân bằng cũng như làm rõ những nguyên tắc về chức năng và tài chính của chính quyền các cấp khác nhau.
- Tăng cường cơ cấu tài chính và tài khóa của hệ thống liên chính phủ và chính quyền địa phương: Tiến bộ trong lĩnh vực này thể hiện rõ nhất ở việc chuyển giao tài chính từ chính quyền trung ương xuống chính quyền địa phương mà đã tạo nên phần lớn ngân sách của chính quyền địa phương. Tuy nhiên nguồn tài chính này không phải lúc nào cũng được phân bổ đồng đều và chính quyền địa phương hầu như chẳng có cách nào để làm tăng nguồn tiền và thậm chí có rất ít quyền kiểm soát đối với nguồn tiền mà họ tăng thêm. Để xử lý vấn đề này, các nhà hoạch định chính sách có thể làm một số việc bao gồm đảm bảo rằng chính quyền địa phương có các biện pháp khuyến khích tăng thu và kiểm soát chi tiêu. Điều đó có thể thúc đẩy chính quyền địa phương thu hết được 40% tổng doanh thu thuế tài sản mà hàng năm chưa thu hết được.
- Xây dựng hệ thống chức năng và trách nhiệm giúp cho chính quyền địa phương vận hành tốt hơn: Cuối cùng chính quyền địa phương thường có hệ thống quản lý tài chính và chức năng chưa thực sự hoàn thiện. Hoạt động kiểm toán diễn ra hời hợt và việc kiểm soát của chính quyền trung ương về vấn đề nhân sự và ngân sách địa phương còn quá lớn và ít nỗ lực chuyển giao quyền lực. Các nhà hoạch định chính sách có thể làm việc để tăng cường tinh thần trách nhiệm của chính quyền địa phương thông qua việc cải tiến giám sát và theo dõi cả từ phía

người dân lên và từ trên xuống. Ngoài ra cần phải nâng cao năng lực và kiện toàn hệ thống.

Nguồn: WB

Nghiên cứu mới giúp ta hiểu rõ hơn về cách làm tăng tác động của tăng trưởng kinh tế đối với việc giảm nghèo

Công trình nghiên cứu với nhan đề *Tăng trưởng vì người nghèo trong thập niên 90: Bài học và nhìn nhận từ 14 quốc gia*, đã đưa ra những bằng chứng nêu bật tầm quan trọng của việc thúc đẩy tăng trưởng mạnh và bền vững như một phần của bất kỳ một chiến lược tăng trưởng vì người nghèo nào. Nghiên cứu cũng chứng minh sự cần thiết phải thực hiện chính sách làm tăng khả năng tham gia và quá trình phát triển của hộ nghèo.

Nghiên cứu là một phần trong chương trình nghiên cứu chung do Ngân hàng thế giới (WB), Cơ quan Phát triển Pháp (AFD), các Cơ quan Phát triển Đức (BMZ, GTZ, KfW Entwicklungsbank) và Bộ Phát triển Quốc tế Anh (DFID) tài trợ.

Những dẫn chứng nêu trong báo cáo được rút ra từ các nghiên cứu tình huống tại 14 quốc gia. Các nghiên cứu này đã phân tích mô hình phân bổ tăng trưởng và cách tác động của chính sách và điều kiện cụ thể của từng quốc gia đối với tăng trưởng. Nghiên cứu bao gồm: Bangladesh, Bolivia, Brazil, Burkina Faso, El Salvador, Ghana, India, Indonesia, Romania, Senegal, Tunisia, Uganda, Việt Nam và Zambia.

Nghiên cứu đặc biệt chú ý đến vai trò của thu nhập của người lao động (từ lương và tự làm thêm). Nghiên cứu xác định một vài sự can thiệp chính sách quan trọng trong việc tăng nguồn thu từ nông nghiệp của các hộ gia đình nghèo trong những năm 90, bao gồm giảm bớt chi phí giao dịch tiếp cận thị trường bằng cách đầu tư vào đường xá, khuyến khích tổ chức các nhóm sản xuất và bao tiêu sản phẩm, tăng cường quyền sở hữu nhằm cải tiến việc tiếp cận đất đai của các chủ trang trại nhỏ, tăng cường các biện pháp khuyến khích đầu tư và hỗ trợ việc di cư. Nghiên cứu cũng khẳng định tầm quan trọng của việc cung cấp công nghệ cho các hộ sản xuất nhỏ tại những vùng khí hậu khô cằn và giúp các hộ sản xuất

nhỏ cũng như những hộ nghèo giải quyết các vấn đề rủi ro về giá cả và khí hậu. Cuối cùng, nghiên cứu nhấn mạnh đến sự cần thiết phải xây dựng một khung khuyến khích có lợi cho tất cả mọi người tham gia sản xuất nông nghiệp và xem xét những tác động khác nhau của giá cả và các cuộc cải cách chính sách thương mại đối với các hộ gia đình nghèo.

Cũng tương tự như vậy, công trình nghiên cứu còn nêu bật một số giải pháp chính sách lớn nhằm giúp các hộ nghèo phát huy các cơ hội việc làm phi nông nghiệp và tại đô thị, bao gồm cải thiện môi trường đầu tư; tăng cường tiếp cận với giáo dục phổ thông trong khi chi phí đào tạo nghề ngày càng tăng cùng với sự tăng trưởng mạnh của lĩnh vực phi nông nghiệp trong những năm 90; tăng cường khả năng tiếp cận của các bé gái với giáo dục các cấp; xây dựng các quy chế thị trường lao động để tạo ra nhiều việc làm chính thức hơn cho tầng lớp công nhân nghèo, và cải thiện việc tiếp cận với cơ sở hạ tầng, đặc biệt là giao thông và điện, để kết nối tốt hơn nữa các khu vực nông thôn với những khu thị trấn, thị xã nhỏ và các trung tâm đô thị.

Bởi điều kiện của mỗi quốc gia khác nhau, chiến lược tăng trưởng vì người nghèo phải mang đặc trưng của từng quốc gia. Nghiên cứu nêu rõ điều kiện của vài quốc gia để minh họa cách những điều kiện này có thể tác động lên khả năng của các hộ nghèo tham gia vào quá trình tăng trưởng. Ví dụ, mật độ dân số và mức độ đô thị hoá ảnh hưởng đến chi phí giao dịch và khả năng của các hộ nghèo tham gia vào quá trình tăng trưởng nông nghiệp và phi nông nghiệp. Mức độ tài sản ban đầu và sự bất bình đẳng về thu nhập không những ảnh hưởng đến tính nhạy cảm của đói nghèo đối với vấn đề tăng trưởng mà còn dẫn đến sự phân biệt về giới và dân tộc cũng như một số bất công khác cản trở việc tham gia vào quá trình tăng trưởng của một số nhóm hộ nghèo nhất định. Ngoài ra, tầm quan trọng của nông nghiệp trong nền kinh tế và lực lượng lao động sẽ ảnh hưởng đến tầm quan trọng của việc tăng nguồn thu từ nông nghiệp nếu tăng trưởng chuyển thành giảm nghèo nhanh chóng.

Nghiên cứu sẽ được trình bày tại một hội nghị tổ chức tại London do DFID chủ trì thay mặt cho 4 nhà tài trợ. Hội nghị sẽ quy tụ các đại diện của các chính phủ tham gia, các cơ quan tài trợ song phương, đa phương và khu vực, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan nghiên cứu, các cơ quan thông tấn báo chí và nhiều tổ chức phát triển khác. Hội nghị được thiết kế nhằm tạo ra một diễn đàn để thảo luận các

chiến lược và các khuyến nghị chính sách về tăng trưởng vì người nghèo và tăng cường sự gắn kết giữa các nhà tài trợ trong cách hiểu về mối quan hệ giữa tăng trưởng và giảm nghèo. Hội nghị bổ sung cho các cuộc hội thảo khu vực tại châu Á, châu Phi cùng với các sự kiện khác diễn ra tại một số quốc gia nghiên cứu.

Nguồn: WB

WB tăng cường rót vốn cho VN

Trong năm tài chính 2005, VN đã nhận được 700 triệu USD các khoản tín dụng và tài trợ không hoàn lại, do Hiệp hội Phát triển quốc tế (IDA) của Ngân hàng thế giới tài trợ - đứng thứ hai sau Ấn Độ với mức 1,2 tỷ USD.

Như vậy, hiện VN là nước đứng đầu thế giới trong số các nước chỉ sử dụng hỗ trợ tài chính của IDA.

Cũng trong năm tài chính này, Ngân hàng thế giới (WB) đã hỗ trợ tài chính cho 279 dự án ở các nước đang phát triển trên thế giới với tổng số vốn lên đến 22,3 tỷ USD, tăng 2,2 tỷ USD so với năm trước. Trong số này có 13,6 tỷ USD của Ngân hàng Quốc tế về Tái thiết và Phát triển (IBRD) cho 118 dự án của các nước có thu nhập trung bình; và 8,7 tỷ USD là những khoản vay ưu đãi không phải trả lãi hoặc những khoản tài trợ của IDA cho 161 dự án của những nước nghèo nhất.

Theo đánh giá của các chuyên gia, song song với vốn cam kết cho vay tăng lên, chất lượng của những khoản vay của WB cũng tăng lên. Tỷ lệ số vốn vay có nguy cơ không đạt được các mục tiêu phát triển được đặt ra trước đó đã giảm đáng kể từ 15,9% năm tài chính 2004 xuống còn 13,5% vào cuối năm tài chính 2005. Số vốn của WB được giải ngân trên toàn thế giới tăng từ 17 tỷ USD năm ngoái lên 18,7 tỷ USD.

Nguồn: Web site MPI

Các nước vùng Mêkông lập xa lộ thông tin

Các nước thuộc tiểu vùng sông Mêkông mở rộng (GMS) sẽ đầu tư 66,21 triệu USD xây dựng một xa lộ thông tin chung cho cả khu vực nhằm tăng cường hợp tác kinh tế và trao đổi thương mại.

Theo một quan chức ngành viễn thông Trung Quốc, nước chủ nhà của Hội nghị thượng đỉnh sáu nước có dòng sông Mêkông chảy qua, tổ chức tại Côn Minh, trong hai ngày 4 - 5/7, dự

án này đã được tính toán từ cuối năm ngoái và sẽ sớm khởi động trong năm nay.

Theo đó, trong giai đoạn đầu tiên của dự án, từ năm 2005 tới 2008, sáu nước gồm Campuchia, Trung Quốc, Lào, Myanmar, Thái Lan và Việt Nam sẽ xây dựng hệ thống truyền tín hiệu cáp quang đầu cuối với nhau. Mục đích của việc này là nhằm lập một nền tảng vững chắc hạ tầng cơ sở về sau để phát triển mạng lưới viễn thông liên quốc gia trong khu vực.

Khi hệ thống truyền tải nói trên đạt tới mức độ hoàn thiện nhất định, các nước GMS sẽ tiếp tục phát triển năng lực truyền tải tín hiệu lớn hơn trong giai đoạn 2009 - 2010, qua đó dỡ bỏ mọi rào cản viễn thông giữa các nước.

Trong giai đoạn thứ ba của dự án, các nước tham gia sẽ nâng mạng lưới này lên mức có thể phục vụ viễn thông quốc tế, bao gồm cả thương mại điện tử, chính phủ điện tử cũng như các dịch vụ giáo dục, y tế dựa trên nền tảng đã xây dựng ở các giai đoạn trước.

Nguồn: Vietnamnet

Tiến độ giải ngân vốn ODA đã nhanh hơn

Theo Bộ Kế hoạch Đầu tư, trong 6 tháng đầu năm, tổng giá trị giải ngân vốn viện trợ chính thức Chính phủ (ODA) ước đạt 740 triệu USD, tuy chỉ đạt 42% kế hoạch giải ngân của cả năm 2005 nhưng đã nhanh hơn so với cùng kỳ năm trước.

Mức giải ngân vốn vay thương mại đạt khoảng 610 triệu USD, 130 triệu USD còn lại là giải ngân vốn viện trợ không hoàn lại.

Nguồn vốn được giải ngân nhiều nhất là của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á, với tổng vốn giải ngân đạt khoảng 482 triệu USD, chiếm 79% tổng giá trị giải ngân nguồn vốn vay.

Các dự án vốn ODA lớn là dự án năng lượng nông thôn II có tổng vốn 220 triệu USD, dự án hiện đại hoá ngân hàng và hệ thống thanh toán giai đoạn II trị giá 105 triệu USD. Các dự án lớn được viện trợ không hoàn lại gồm Chương trình phát triển nông thôn Quảng Trị trị giá 12,16 triệu USD, Chương trình phát

triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trị giá 11,23 triệu USD.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng cho biết từ đầu năm đến nay, nguồn vốn ODA được hợp thức hóa thông qua các hiệp định ký kết với các nhà tài trợ đạt hơn 1,34 tỷ USD, trong đó vốn vay là 1,18 tỷ USD và vốn viện trợ không hoàn lại đạt 155,5 triệu USD.

Nguồn: TTXVN

Ngân hàng Thế giới thông qua khoản tín dụng 100 triệu USD cho Việt Nam hỗ trợ cải cách kinh tế và giảm nghèo

Hà Nội, 30/6/2005 – Ban Điều hành Ngân hàng Thế giới đã thông qua một khoản vay phi lãi suất trị giá 100 triệu USD cho Việt Nam hỗ trợ những nỗ lực giảm nghèo của quốc gia.

Khoản tín dụng hỗ trợ Chiến lược Giảm nghèo thứ 4 này (PRSC 4) hỗ trợ chương trình cải cách quy mô lớn của quốc gia, bao gồm hoàn tất việc chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, đảm bảo sự tham gia của xã hội và tăng cường công tác quản lý nhà nước.

Khoản tín dụng 100 triệu USD từ Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA), một cơ quan cho vay phi lãi suất của Ngân hàng Thế giới, sẽ được sử dụng kết hợp với trên 100 triệu USD đã được 11 nhà tài trợ song phương và đa phương khác cam kết tài trợ. Đây là khoản tín dụng thứ 4 trong 5 khoản tín dụng hỗ trợ chiến lược giảm nghèo, cung cấp ngân sách hỗ trợ trực tiếp Chính phủ thực hiện những tiến bộ cải cách cụ thể nêu trong Chiến lược Giảm nghèo và Tăng trưởng toàn diện của quốc gia được Chính phủ Việt Nam thông qua vào tháng 5 năm 2002.

Các khoản PRSC bước đầu đã hỗ trợ những cuộc cải cách quan trọng về hội nhập thương mại với nền kinh tế thế giới, phát triển khối tư nhân và cải cách tài chính công. Cùng với thời gian, những khoản tín dụng này dần đã hỗ trợ chương trình cải cách lớn hơn của Chính phủ Việt Nam, bao gồm phát triển thể chế và nhân lực. Chương trình đầy tham vọng này, cùng với việc quản lý kinh tế vĩ mô thận trọng, đã rất có hiệu quả đối với Việt Nam như được phản ánh qua mức độ tăng trưởng kinh tế vững mạnh và giảm nghèo nhanh chóng trong những năm gần đây. Việt Nam cũng đang vững bước trên con đường đạt được Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG). Nhìn về tương

lai, Ban Điều hành Ngân hàng Thế giới chỉ ra rằng những tiến bộ mang tính quyết định của cuộc cải cách ngành ngân hàng và cuộc chiến chống tham nhũng sẽ là mấu chốt để duy trì hoạt động vững chắc này.

Nguồn: WB

Dự báo thị trường nông, lâm sản

Hiện nay, sản lượng các mặt hàng nông, lâm sản của nước ta tiêu thụ trong nước bình quân 70%, xuất khẩu 30%.

Trong đó, các mặt hàng có tỷ lệ tiêu thụ trong nước cao là sản phẩm chăn nuôi, đường, đậu tương (gần 100%); rau, quả (85-90%), gạo 80%. Các mặt hàng có tỷ lệ xuất khẩu cao là cà-phê, hạt điều, hồ tiêu (hơn 95%), cao-su 85%. Nước ta vẫn phải nhập khẩu 100% lúa mì, bột mì; khoảng 90% sữa, bông, dầu thực vật...

Dự kiến, đến năm 2010, dân số cả nước vượt mức 86 triệu người với thu nhập bình quân đạt 800 USD/người. Vì vậy, thị trường trong nước vẫn là thị trường tiêu thụ nông, lâm sản chủ yếu. Trên thị trường nông sản thế giới, các nước châu Á nhập khẩu khoảng 70% lượng nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Vụ Kế hoạch đưa ra định hướng xuất khẩu tại một số thị trường lớn đến năm 2010 là Trung Quốc, Nhật Bản, Khối ASEAN, Các nước EU, Nga và khối Đông Âu, Mỹ.

Nguồn: Vụ Kế hoạch - Bộ NN&PTNT

Đà Nẵng khai trương Trung tâm

Thông tin Ngân hàng Thế giới

Đà Nẵng, 19/7/2005 - Thư viện Khoa học tổng hợp Đà Nẵng đã chính thức khánh thành Trung tâm Thông tin Ngân hàng Thế giới. Đến dự lễ khánh thành có Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng, ông Jeffrey Gutman, Giám đốc Chiến lược và Hoạt động Ngân hàng Thế giới, Khu vực Đông Á Thái Bình Dương cùng trên 100 quan chức và độc giả địa phương.

Ngoài Trung tâm Thông tin Phát triển Việt Nam tại Hà Nội, còn có 5 Trung tâm Thông tin Công cộng khác (PIC) tại Huế, Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh. Đây là một phần trong chương trình của Ngân hàng Thế giới nhằm chia sẻ kiến thức và cung cấp thông tin hiệu quả hơn về những lĩnh vực phát triển khác nhau. PIC là một cơ sở học tập để tiếp cận và thân người sử dụng, mở cửa chào đón tất cả mọi người bao gồm các nhà hoạch định chính sách của chính phủ, khối tư nhân, các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ, sinh viên, báo giới và các nhà nghiên cứu. Người sử dụng có thể dễ dàng tiếp cận với nguồn tin phong phú hoàn toàn miễn phí thông qua mạng Internet và các ấn phẩm của Ngân hàng Thế giới, sách và nhiều tài liệu đặc biệt của các nhà nghiên cứu và các tổ chức phát triển.

Nguồn lực cần thiết của PIC là những người thủ thư, người sẽ làm cho thông tin và các ấn phẩm "nói và đi" qua việc trưng bày sách cũng như việc phát hành và trao đổi sách và giúp những người sử dụng nắm bắt được hầu hết những thông tin có sẵn trong trung tâm. Họ là những người được đào tạo sâu về kỹ năng thư viện bao gồm tìm kiếm, giới thiệu, trình bày và chia sẻ thông tin. Họ sẽ sử dụng những kỹ năng này để khuyến khích tối đa việc sử dụng độc lập các nguồn lực hiện có tại Ngân hàng Thế giới.

Bên cạnh trên 700 ấn phẩm của Ngân hàng Thế giới cả bằng tiếng Anh và tiếng Việt như Báo cáo Phát triển Thế giới, Chỉ số Phát triển Thế giới, Tài chính Phát triển Toàn cầu, loạt ấn phẩm về Triển vọng Kinh tế Toàn cầu, các Báo cáo Phát triển Việt Nam và các nghiên cứu ngành khác, đây là lần đầu tiên ra mắt các độc giả Đà Nẵng bộ sưu tập đầy đủ về các văn kiện của tất cả các dự án do Ngân hàng Thế giới tài trợ cả dưới dạng văn bản in và thông qua trang web của Ngân hàng. Các tài liệu này bao gồm tài liệu thẩm định dự án và các nghiên cứu khác có liên quan như báo cáo về tác động môi trường và kế hoạch tái định cư.

Nguồn: WB

Danh mục các dự án hỗ trợ nông nghiệp và PTNT đã được ký trong 6 tháng đầu năm 2005

	Tên dự án	Nhà tài trợ	Loại hình vốn			Tổng vốn	Thời gian thực hiện
			KHL	Vay	Đổi ứng		
1.	Khôi phục rừng và quản lý bền vững rừng ở các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên	KfW	9,715,000	0	2,598,000	12,313,000	2005-2013
2.	CSHTNT nhằm cải thiện sinh kế bền vững ở khu vực miền trung	ADB	800,000	0	200,000	1,000,000	2005-2006
3.	Phát triển ngành lâm nghiệp Việt Nam.	WB GEF FINANDA RNE	19,000,000	39,500,000	16,000,000	74,500,000	2004-2011
4.	Phát triển vì người nghèo miền núi phía bắc	EC	17,000,000	0	1,588,000	18,588,000	2005-2010
5.	"Hỗ trợ dân làng quản lý rừng bền vững ở Tây Nguyên Việt Nam"	JICA	3,000,000	0	0	3000000	2005-2008
6.	Sử dụng đa dạng di truyền và các tiến bộ công nghệ sinh học trong nghiên cứu cải thiện giống cây rừng	SIDA	235,256	0	0	235,256	2004-2007
7.	Tăng cường năng lực xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi và kế hoạch thực thi các dự án trồng rừng ở Việt Nam	JICA	3,000,000	0	0	3,000,000	2005-2007
8.	Phát triển cây ăn quả trên cơ sở phát triển nông thôn bền vững	BFDW	292,000	0	161,000	453,000	2005-2007
9.	Thúc đẩy và lan rộng phương pháp xử lý vi sinh vật bằng ánh sáng mặt trời	SDC/ Helvetas	324,500	0	25,500	350,000	2005-2009
10.	Dự án hỗ trợ phát triển ngành lâm nghiệp	EC	3,761,100	0	0	3,761,100	2005-2009
11.	Xây dựng và kiểm soát chất lượng nông sản thực phẩm	CIDA	13,350,000	0	667500	14,017,500	2005-2010
12.	Chương trình hợp tác MARD - SIDA	SIDA	4,200,000	0	400,000	4,600,000	2005-2008
	Tổng cộng		74,677,856	39,500,000	21,640,000	135,817,856	